TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS - PT.
Ngày 27 tháng 7 năm 2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;
Bà Điêu Thị Bích Lượt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLPT - DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐPT-DS ngày 31/5/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 80/2022/QĐPT-TNPT ngày 28/6/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1930;

Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

**Đồng bị đơn*: Anh Phạm Văn D (tức Phạm Đoàn D), sinh năm 1962 và chị Lương Thị Q, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (đều có mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền của ông B*: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ 8, khu 2, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 38, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và bà Chử Thị Mỹ H, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu 1, xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2021). (bà H có mặt; bà H và bà N vắng mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn N - Chủ tịch UBND xã B, huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã B: Ông Lương Quốc M - Phó Chủ tịch UBND xã B, huyện T. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**Những người tham gia tố tụng khác:*

1.Ông Phạm Dương Q, sinh năm 1937;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1958;
Địa chỉ: Khu 10, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
3. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
4. Ông Phạm Thế P, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
5. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1935;
Địa chỉ: Khu 17, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
6. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1944;
Địa chỉ: Khu 15, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
7. Ông Cao Thành Đ, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Khu 14, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
8. Ông Lương Thành Đ, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Khu 15, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
9. Ông Cao Văn H, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Khu 15, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
10. Anh Phạm Tăng V, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
11.Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
12.Ông Lương Đình Q, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Khu 13, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
13.Ông Tạ Kim D, sinh năm 1954;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
14.Chị Cao Thị H, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Khu 14, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
15.Bà Phạm Thị C, sinh năm 1949;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
16. Bà Lương Thị N, sinh năm 1941;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
17. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1955;
Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông **Phạm Văn B** - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2021 và lời khai của người được ủy quyền trình bày như sau: Vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Y có tài sản là các thửa đất 73, 95 tờ bản đồ số 06, tổng diện tích 1.716m2 tại khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện T, tỉnh V (nay là UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ)

cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ 9004 ngày 30/11/1991. Ngày 22/4/2009, ông B, bà Y có tặng cho con trai là Phạm Văn D diện tích đất 370m2 thửa đất số 95, tờ bản đồ số 06 do UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số AP 048845 số vào sổ H-00857 ngày 03/9/2009.

Sau khi cho anh D, diện tích đất còn lại của ông B, bà Y là 1.337m2 (trong đó đất ở là 300m2, đất vườn 1.037m2), thửa đất số 73, tờ bản đồ số 06 và đã được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số AP 048846 ngày 03/9/2009 mang tên ông Phạm Văn B, bà Trần Thị Y. Do ông B là thương binh nên năm 2014 được hội Cựu chiến binh tỉnh Phú Thọ hỗ trợ cho vợ chồng ông B, bà Y số tiền 60.000.000 đồng để xây dựng nhà ở. Khi xây nhà thì quyền sử dụng đất vẫn là tài sản hợp pháp của ông B và bà Y.

Ngày 20/02/2017, ông B đã tặng cho vợ chồng anh D, chị Q diện tích đất 666,7m2 (trong đó đất ở 150m2, đất vườn 516,7m2) thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 06 nay là thửa đất số 178, tờ bản đồ số 06. Thửa đất này hiện nay có nhà ở mà ông B, bà Y cùng với vợ chồng anh D, chị Q bỏ tiền ra xây dựng và hiện nay ông B cùng với vợ chồng anh D đang ở. Vợ chồng anh D đã được cấp Giấy CNQSD đất số CK 101415, số vào số CH 00496 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017.

Kể từ thời điểm ông B cho tặng vợ chồng anh D nốt phần diện tích đất trên thì vợ chồng anh D lật mặt có những hành vi bất hiếu với vợ chồng ông B. Khi vợ chồng ông B ốm đau bệnh tật nhất là bà Y ốm đau nằm liệt giường thì vợ chồng anh D không về chăm sóc và còn có những hành vi thái độ hỗn láo, đối xử tệ bạc với vợ chồng ông B. Trước những hành vi hỗn láo bất hiếu với vợ chồng ông B, gia đình đã nhiều lần họp nhưng anh D không hợp tác và ngày càng thể hiện bất chấp luân thường đạo lý của người con liên tục có nhiều hành vi chửi bới bố mẹ già nên dòng họ Phạm đã họp để giáo dục nhắc nhở và yêu cầu trả lại phần diện tích đất đã cho vợ chồng anh D là 666,7m2. Ông B bức xúc trước những hành vi bất hiếu của vợ chồng anh D nên đã khởi kiện yêu cầu: Hủy hợp đồng cho tặng QSD đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017 do không thực đúng quy định của pháp luật; không có chữ ký của bà Trần Thị Y; thời điểm lập hợp đồng cho tặng ngày 20/02/2017 thì anh D và chị Q đang làm ăn ở xa không có mặt ở địa phương nên không ký tên trong hợp đồng mà do người khác ký. Bà Trần Thị Y cũng không ký. Do đó việc UBND xã H lúc đó vẫn chứng thực hợp đồng cho, tặng ngày 20/02/2017 là không đúng. Ngày 22/10/2021 Ông B bổ sung như sau: Khi lập hợp đồng cho tặng quy ền SDĐ và tài sản gắn l iền với đất ngày 20/02/2017 thì không họp gia đình. Ông B cũng không xác định chữ ký ghi họ tên Trần Thị Ý trong hợp đồng là do ai ký mà ông chỉ xác định không phải là do bà Ý ký nhưng ông không yêu cầu giám định. Việc ông B biết không phải chữ ký của bà Ý trong hợp đồng là từ khi ông B nhận được hồ sơ của UBND huyện Tam Nông cung cấp sau khi ông B làm đơn gửi UBND xã B (tháng 7/2020) và do UBND xã không quản lý hồ sơ lên ông B đã làm đơn đề nghị UBND huyện Tam Nông cung cấp sau thời gian này . Quyền sử dụng đất khi lập hợp đồng cho tặng quyền SDĐ và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017 cho vợ chồng anh D thì cũng đồng thời làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh V, chị M luôn cùng ngày . Hiện nay vợ chồng anh V đã được cấp

Giấy CNQSD đất. Khoản tiền Hội cựu chiến binh hỗ trợ 60 triệu đồng khi ông B đưa cho anh D xây nhà thì ông B không cho mà theo hợp đồng ông B chỉ cho quyền SDĐ. Diện tích đất theo hợp đồng tặng cho và Giấy chứng nhận quyền SDĐ với thực tế khi đo đạc , thẩm định thì có lệch nhau 8,3m2 nhưng vẫn là quyền sử dụng đất của vợ chồng ông B từ khi chưa tách bìa , không có tranh chấp với ai , không liên quan đến ai mà do quá trình đo đạc nên có sự chênh lệch không lớn.

Ngày 14/02/2022 ông B có nộp đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2022 bổ sung khởi kiện:Yêu cầu tuyên hợp đồng cho tặng ngày 20/02/2017 do UBND xã H chứng thực là vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh D, chị Q số CK 101415 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017 với các lý do như khi khởi kiện ban đầu yêu cầu tuyên hủy hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 20/02/2017 giữa ông B và bà Y với vợ chồng anh D và chị Quy.

Bị đơn anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q trình bày: Bố mẹ tôi là ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Y có hai thửa đất: Một thửa số 95 và một thửa số 73 đều thuộc tờ bản đồ số 06, có tổng diện tích là 1.716m2 (khu 16, xã B, huyện T) đã được cấp Giấy CNQSD đất năm 1991. Thửa đất số 95 tờ bản đồ số 06 ông B, bà Y đã cho vợ chồng tôi ngày 22/4/2009 và đã được cấp Giấy CNQSD đất số AP 048845 do UBND huyện T cấp ngày 03/9/2009 đứng tên Phạm Văn D và Lương Thị Q. Đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 06 có diện tích 1.337m2 vẫn đứng tên ông B, bà Y có số Giấy CNQSD đất AP 048846 do UBND huyện T cấp ngày 03/9/2009. Thửa đất này năm 2017 ông B, bà Y đã tách cho anh Phạm Tăng V 670,3m2, còn lại 666,7m2 ông B, bà Y đã tặng cho vợ chồng tôi. Diện tích đất tách cho anh Vĩ đã đứng tên anh Vĩ, diện tích đất tặng cho vợ chồng tôi đã được cấp Giấy CNQSD đất số CK 101415 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017 đứng tên Phạm Văn D và Lương Thị Q. Lý do tôi có được QSD đất với diện tích đất 666,7m2 là do ông B, bà Y làm hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017. Hợp đồng này vợ chồng tôi xác định không ký nhưng vì ông B chủ động mọi việc để tặng cho chúng tôi chứ không ai ép buộc, thậm chí ông B còn yêu cầu UBND xã H nhiều lần để làm Giấy CNQSD đất cho vợ chồng tôi. Khi ông B làm hợp đồng tặng cho thì không gọi vợ chồng tôi về. Việc bà Y là mẹ tôi có ký hợp đồng tặng cho hay không thì tôi không biết nhưng tôi xác định bà Y biết việc làm của ông B và không có ý kiến gì. Năm 2014, ông B được hội Cựu chiến binh tỉnh Phú Thọ hỗ trợ 60.000.000 đồng nên có gọi điện cho vợ chồng tôi về xây nhà (lúc đó vợ chồng tôi đang làm ăn tại Hà Giang). Ông B còn nhờ ông Phạm Văn H (trưởng ngành) gọi điện hộ cho tôi thì tôi mới về. Khi về vợ chồng tôi đã bỏ tiền ra cùng với tiền của ông B để xây căn nhà hết khoảng 400.000.000 đồng. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng tôi lại lên Hà Giang làm ăn còn nhà ông B, bà Y vẫn ở. Ông B, bà Y lại kêu nóng và thấm mái nên lại yêu cầu vợ chồng về sửa hết 200.000.000 đồng vào năm 2016. Sau đó vợ chồng tôi lại tiếp tục đi Hà Giang làm ăn, đến tháng 12/2020 thì vợ chồng tôi mới về ở cùng ông B, bà Y cho đến nay.

Nay ông B khởi kiện đòi hủy hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vì lý do: Vợ chồng tôi bất hiếu, bà Y không ký và vợ chồng tôi

không ký, vợ chồng tôi hoàn toàn không chấp nhận vì: Vợ chồng tôi không bất hiếu vì khi vợ chồng tôi xây nhà xong thì ông B, bà Y ở còn vợ chồng tôi đến cuối năm 2020 mới về ở chung, khi gia đình có công việc thì vợ chồng tôi vẫn có trách nhiệm như những người con bình thường đồng thời không gần nhau thì ít xung đột xảy ra. Khi vợ chồng tôi xây nhà thì mọi người trong nhà đều biết trong đó có bà Y. Khi ông B làm thủ tục cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mọi người trong nhà đều biết, việc bà Y có ký hay không thì bà Y đều biết, còn vợ chồng tôi không ký thì không ảnh hưởng đến việc cho đất của ông B, bà Y và chúng tôi cũng không từ chối nhận tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã B do ông Lương Quốc M trình bày: Hiện nay tôi là phó Chủ tịch UBND xã B, huyện Tam Nông - Là người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã B xác định nội dung: Tại hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017 giữa ông Phạm Văn Băng v à bà Trần Thị Ý với anh Phạm Văn Dực và chị Lương Thị Quy có xác nhận của Chủ tịch UBND xã H thời kỳ đấy (theo lời khai của Ông B thì bà Ý và vợ chồng anh D, chị Quy không ký tại UBND xã H cũ). Theo lời khai của ông Cao Thành Đ nguyên Chủ tịch UBND xã H đã trình bày nội dung chữ ký của bà Trần Thị Ý và anh D, chị Quy trong hợp đồng . Lý do không ký tại UBND xã như ông Đức trình bày là đúng. Vì vậy, UBND xã B xác định ông Đức do chủ quan, nể nang đã cho cầm hợp đồng về gia đình cho bà Y, anh D, chị Q ký là sai về nguyên tắc dẫn đến việc khởi kiện nhưng không làm thay đổi bản chất sự việc và ý chí của gia đình nên UBND xã cũng cần rút kinh nghiệm và đề nghị giữ nguyên hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017 UBND xã H đã chứng thực.

Những người làm chứng trình bày: Ông Phạm Dương Q trình bày: Tôi là bác họ của anh D. Cuộc sống giữa vợ chồng anh D với vợ chồng ông B có quan hệ bình thường. Ông B cho rằng vợ chồng anh D sống bất hiếu là không đúng vì tôi vẫn thấy vợ chồng anh D quan tâm đến vợ chồng ông B, không có thái độ hỗn láo với bố, mẹ hoặc có hành vi đối xử ngược đãi với bố, mẹ. Năm 2014, vợ chồng anh D còn đem tiền về cùng với tiền hỗ trợ của Cựu chiến binh cho ông B để xây nhà cho vợ chồng ông B ở. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng ông B vẫn ở đó còn vợ chồng anh D lên Hà Giang làm ăn nhưng vẫn thường xuyên thăm hỏi vợ chồng ông B, khi bà Y ốm đau vẫn về chăm sóc bình thường. Việc vợ chồng anh D xây nhà ai cũng biết. Năm 2017 ông B, bà Y đã đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh D, việc cho tặng này vợ chồng ông B, bà Y và các con ông B đều biết và thống nhất. Nay đất này đã sang tên cho vợ chồng anh D, việc cho tặng đều công khai và hợp pháp. Nay không biết vì lý do gì ông B lại khởi kiện đối với vợ chồng anh D, tôi không chấp nhận vì việc cho vợ chồng anh D là chính đáng, anh D là con trưởng lại trực tiếp đã xây nhà để cúng giỗ tổ tiên. Quan hệ hiện nay giữa vợ chồng anh D với ông B tôi vẫn thấy bình thường. Việc ông B cho đất vợ chồng anh D đều thể hiện ý chí của ông B và bà Y không bị ai ép buộc vì khi vợ chồng anh D xây nhà thì cả ông B và bà Y vẫn nói với tôi để cho các cháu xây nhà mục đích là cho

đất. Các con của ông B, bà Y ai cũng có nhà đất ở ổn định, tôi cam đoan lời khai của tôi ở trên là đúng sự thật.

Ông Phạm Văn H trình bày: Tôi là bác trưởng ngành của anh D. Cuộc sống giữa vợ chồng anh D với vợ chồng ông B có xung đột nhưng không lớn chứ không phải như ông B nói là bất hiếu vì cuộc sống tuy vợ chồng anh D không ở gần nhưng vẫn thường xuyên quan tâm, khi có việc cũng như khi vợ chồng ông B ốm đau. Năm 2014, vợ chồng anh D còn đem tiền về cùng với tiền hỗ trợ của Cựu chiến binh cho ông B để xây nhà cho vợ chồng ông B ở như hiện nay. Việc xây nhà ông B còn nhờ tôi điện thoại cho vợ chồng anh D hai lần anh D mới về. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng ông B vẫn ở đó còn vợ chồng anh D lên Hà Giang làm ăn. Việc vợ chồng anh D xây nhà mọi người trong nhà ai cũng biết. Mục đích xây nhà vì anh D là con trưởng nên để hương khói cho tổ tiên và cho quyền sử dụng đất. Chính vì thế năm 2017 ông B, bà Y đã đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh D, việc cho tặng này phù hợp với pháp luật và đạo lý truyền thống người Việt Nam. Thực tế đất đã sang tên đổi chủ cho vợ chồng anh D, việc tặng cho đất này gia đình ông B, bà Y đều thống nhất. Nay ông B khởi kiện đối với vợ chồng anh D quan điểm của tôi đề nghị Tòa án hòa giải để giữ mối quan hệ cha con, truyền thống nội tộc nên cần giữ nguyên như hợp đồng cho tặng ngày 20/02/2017 là hợp lý. Tôi khẳng định việc ông B, bà Y tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng anh D thì cả ông B, bà Y và các con đều biết. Hiện nay các con của ông B, bà Y ai cũng có nhà đất riêng, tôi cam đoan lời khai của tôi ở trên là đúng sự thật.

Ông Phạm Văn Đ trình bày: Tôi là bác họ của anh D. Cuộc sống giữa vợ chồng anh D với vợ chồng ông B có sung đột nhưng không lớn và cũng là lẽ thường tình giữa cha mẹ và con cái. Còn việc ông B cho rằng vợ chồng anh D bất hiếu là không đúng, không chính xác vì tôi thấy vợ chồng anh D vẫn quan tâm tới bố mẹ trong cuộc sống. Năm 2014, vợ chồng anh D còn đem tiền về cùng với tiền hỗ trợ của Cựu chiến binh cho ông B để xây nhà cho vợ chồng ông B ở như hiện nay. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng ông B vẫn ở đó còn vợ chồng anh D lên Hà Giang làm ăn. Việc vợ chồng anh D xây nhà mọi người trong nhà ai cũng biết. Mục đích để cho vợ chồng anh D xây nhà là để sau này cho đất. Chính vì thế năm 2017, ông B, bà Y đã đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh D. Thực tế đất đã sang tên đổi chủ cho vợ chồng anh D. Từ đó các bên ổn định không có ý kiến gì chẳng hiểu tại sao đến nay ông B lại khởi kiện với vợ chồng anh D, quan điểm của tôi đề nghị Tòa án hòa giải để giữ mối quan hệ cha con, truyền thống nơi cúng giỗ tổ tiên thuộc về con trưởng, nên cần giữ nguyên như hợp đồng cho tặng ngày 20/02/2017 là hợp lý. Tôi khẳng định việc ông B, bà Y tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng anh D thì cả ông B, bà Y đều thống nhất và các con ông B, bà Y đều biết. Hiện nay các con của ông B, bà Y đều đã có nhà đất chỗ khác và ổn định, tôi cam đoan lời khai của tôi ở trên là đúng sự thật.

Ông Phạm Thế P trình bày: Tôi là bác trưởng họ của anh D. Ông B khởi kiện đối với vợ chồng anh D cho rằng bất hiếu là không đúng vì thực tế quan hệ giữa bố con vẫn bình thường. Vợ chồng anh D vẫn quan tâm đến ông B không có

thái độ hỗn láo và hành vi bạo lực. Năm 2014, vợ chồng anh D còn đem tiền về cùng với tiền hỗ trợ của Cựu chiến binh cho ông B để xây nhà cho vợ chồng ông B ở như hiện nay. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng ông B vẫn ở đó không bị ai cản trở, còn vợ chồng anh D lên Hà Giang làm ăn. Mục đích cho vợ chồng anh D xây nhà là để cho đất vì anh D là con trưởng để cúng giỗ tổ tiên. Năm 2017, vợ chồng ông B, bà Y và các con của ông B đã thống nhất tặng cho quyền sử dụng đất như hợp đồng ngày 20/02/2017, việc cho đất này bà Y và mọi người đều biết, còn việc ký vào hợp đồng tặng cho như thế nào tôi không biết. Nên tôi khẳng định bà Y đều biết việc cho đất này từ khi vợ chồng anh D xây nhà, nay đã sang tên đổi chủ cho vợ chồng anh D. Việc ông B khởi kiện với vợ chồng anh D là không chính đáng, tôi không đồng ý vì vợ chồng anh D không bất hiếu, việc cho đất là hợp pháp. Hiện nay các con của ông B, bà Y ai cũng có nhà đất ở ổn định, tôi cam đoan lời khai của tôi ở trên là đúng sự thật.

Bà Phạm Thị T trình bày: Tôi là em gái ông B, là cô ruột anh D. Theo ý kiến của ông B khởi kiện với vợ chồng anh D cho rằng vì bất hiếu là không đúng vì vợ chồng anh D tuy không ở gần nhưng vẫn thường xuyên thăm hỏi, khi ốm đau vẫn về chăm sóc thường xuyên đối với ông B, bà Y. Năm 2014, vợ chồng anh D còn đem tiền về xây nhà để cho vợ chồng ông B ở. Sau khi xây xong vợ chồng anh D lại đi làm ăn ở Hà Giang nhưng nhà vợ chồng ông B vẫn ở cho đến nay. Mục đích cho xây nhà tôi được biết ông B, bà Y sẽ cho đất vợ chồng anh D để cúng giỗ tổ tiên vì anh D là con trưởng. Năm 2017 ông B, bà Y và các con của ông B, bà Y đều thống nhất tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh D, nay đã sang tên đổi chủ. Việc cho đất này đều công khai mọi người cùng biết trong đó có cả ý kiến của bà Y đã nói ra với mọi người. Nay ông B khởi kiện với vợ chồng anh D tôi không chấp nhận vì việc cho đất là thực tế đều có sự thống nhất trong gia đình đồng thời vợ chồng anh D vẫn ăn ở với vợ chồng ông B bình thường và vẫn quan tâm tới cha mẹ, không có thái độ bất hiếu hoặc hành vi bạo lực gì với cha mẹ. Hiện nay các con ông B ai cũng có nhà đất ở riêng ổn định, tôi cam đoan lời khai trên của tôi là đúng.

Bà Phạm Thị D trình bày: Tôi là em gái ông B, là cô ruột anh D. Theo ý kiến của ông B khởi kiện với vợ chồng anh D cho rằng bất hiếu là không đúng vì vợ chồng anh D tuy không ở gần vợ chồng ông B nhưng do điều kiện khó khăn nên phải đi làm ăn ở Hà Giang nhưng vẫn thường xuyên thăm hỏi, khi ông B, bà Y ốm đau thì vợ chồng anh D vẫn về chăm sóc. Năm 2014, vợ chồng anh D còn đem tiền về cùng với tiền hỗ trợ của Cựu chiến binh cho ông B để xây nhà như hiện nay ông B đang ở. Sau khi xây xong vợ chồng anh D lại đi làm ăn ở Hà Giang nhưng nhà vợ chồng ông B vẫn ở cho đến nay. Mục đích để cho vợ chồng anh D xây nhà vì anh D là con trưởng để lấy chỗ hương khói cho tổ tiên sau này và mục đích cho đất vợ chồng anh D. Việc xây nhà vợ chồng ông B cùng mọi người đều biết do vợ chồng anh D xây. Năm 2017 ông B, bà Y đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất như hợp đồng ngày 20/02/2017 là đúng , việc cho đất này ông B là người làm thủ tục nhưng bà Y và các con của ông B đều biết. Nay ông B khởi kiện với vợ chồng anh D quan điểm của tôi đề nghị Tòa án hòa giải để ông B rút đơn giữ mối quan hệ gia đình và truyền thống gia đình vì quyền sử dụng đất này là đất của tổ

tiên nhiều đời để lại nên vợ chồng anh D là cháu trưởng ở đó còn hương khói cho tổ tiên. Hiện nay các con ông B ai cũng có nhà đất ở riêng ổn định tôi cam đoan lời khai trên của tôi là đúng.

Ông Cao Thành Đ trình bày: Tôi không có quan hệ họ hàng gì với gia đình ông B, ngày 20/02/2017 lúc đó tôi là Chủ tịch UBND xã H có xác nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Trần Thị Y với vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q. Trên cơ sở ý chí của ông B và bà Y tặng cho quyền sử dụng đất với anh D, chị Quy. Sau khi nhận được đơn của ông B, UBND xã H trực tiếp là cán bộ chuyên môn đã xem xét đơn và các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất tặng cho của ông B. Cụ thể: Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 06 có diện tích 1.337m2 tặng cho vợ chồng anh D, chị Q là 666,7m2 trong đó đất ở 150m2, đất trồng cây lâu năm 516,7m2, quyền sử dụng đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông B, bà Y, không liên quan đến bất kỳ ai, đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch. Chính vì thế UBND xã mới lập hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trong hợp đồng tặng cho trên chỉ có chữ ký của ông Phạm Văn B ký tại UBND xã H, bà Y, anh D và chị Q không ký tại UBND xã. Lý do bà Y, anh D và chị Q không ký tại UBND xã: Do xác định quyền sử dụng đất của ông B, bà Y phù hợp với pháp luật như nêu trên, UBND xã rất tin tưởng ông B vì ông B có đề nghị và còn thường xuyên dục UBND xã, do bà Y bị ốm đau không đến UBND xã được nên đề nghị UBND xã cho cầm hợp đồng về nhà cho bà Y ký. UBND xã đã đồng ý cho ông B có cả anh Vĩ con ông B cầm hợp đồng về nhà để cho bà Y ký, còn việc có đúng chữ ký của bà Y thì địa phương xác định là đúng chữ ký của bà Y. Do xác định chữ ký của bà Y là đúng nên sau khi ông B đem tới UBND xã thì tôi đã xác nhận hợp đồng trên. Đối với chữ ký của anh D, chị Q thì có phải anh D, chị Q ký hay không thì tôi không biết nhưng tôi xác định người nhận tài sản không ký trước mặt UBND xã là phù hợp với pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người cho tài sản. Việc tôi xác định ý chí của ông B, bà Y cho tặng đất anh D, chị Q là đúng, ý chí của người cho vì khi địa phương đến giải quyết đất mở đường cho anh Vĩ con ông B (năm 2017) thì bà Y và các con của ông B, bà Y đều biết nên phải xác định việc tặng cho trên là hợp pháp, thể hiện đúng ý chí của người có tài sản cho tặng trực tiếp là ông B, bà Y. Từ khi tặng cho ngày 20/02/2017 đến nay không thấy gia đình có ai khiếu nại hay ý kiến gì về hợp đồng tôi xác nhận còn việc mâu thuẫn nội bộ dẫn đến việc ông B khởi kiện với vợ chồng anh D, chị Q tôi không biết như thế nào.

Ngày 28/10/2021 ông Cao Thành Đ trình bày bổ sung như sau: Tại biên bản họp gia đình bàn về việc cho tặng quyền sử dụng đất tôi có xác nh ận là đúng vì biên bản này gia đình Ông B cầm đến để làm thủ tục tách đất cho các con đã có chữ ký của bà Đỗ Thị L là Trưởng khu 7 là đúng. Do chúng tôi quản lý chữ ký nên biết đúng là chữ ký của bà Liên và bà Liên đã chứng kiến xác nhận nên tôi xác nhận chứ tôi không trực tiếp có mặt tại nhà Ông B, còn trong biên bản họp gia đình có thành phần là tôi Cao Thành Đ - Chủ tịch UBND xã H là do gia đình Ông B tự đánh. Tôi cam đoan lời khai trên của tôi là đúng và xin chịu trước pháp luật.

Quan điểm của tôi vẫn giữ nguyên như hợp đồng cho tặng ngày 20/02/2017 mà tôi đã ký xác nhận bởi vì: Từ năm 2014 ông B, bà Y đã cho vợ chồng anh D xây nhà trên đất lúc đó vợ chồng anh D đang làm ăn tại Hà Giang nhưng vì anh D là con trưởng nên ông B,bà Y đã yêu cầu vợ chồng anh D đem tiền về cùng với khoản tiền mà ông B được hỗ trợ của Hội Cựu chiến binh và thực tế vợ chồng anh D đã về xây nhà. Sau đó ông B, bà Y ở nhà đó và vợ chồng anh D tiếp tục đi Hà Giang làm ăn. Chính vì việc ông B, bà Y và toàn thể các con của ông B đồng ý cho vợ chồng anh D xây nhà nên khi tặng cho quyền sử dụng đất phải xác định là ý chí của cả gia đình nên tôi mới xác nhận hợp đồng. Nay quyền sử dụng đất này đã sang tên vợ chồng anh D, chị Q là hợp pháp. Vì vậy, việc ông B khởi kiện đối với vợ chồng anh D, chị Q nếu vì mâu thuẫn gia đình là hoàn toàn vô lý, không đúng pháp luật nên tôi đề nghị bác đơn khởi kiện của ông B.

Ông Lương Thành Đ trình bày: Tôi với gia đình ông B có anh em họ xa. Năm 2014, khi gia đình ông B và vợ chồng anh D xây nhà thì tôi là người bán vật liệu xây dựng cho anh D và nhận tiền thanh toán từ anh D, ngoài ra tôi không giao dịch việc bán vật liệu và nhận tiền của ai trong gia đình ông B. Tôi cam đoan lời khai trên của tôi là đúng và xin chịu trước pháp luật.

Ông Cao Văn H trình bày: Tôi là con đẻ của bà D gọi ông B là bác ruột. Năm 2014, tôi có hợp đồng xây dựng với vợ chồng anh D, chị Q về việc xây nhà mà hiện nay ông B đang ở. Quá trình xây dựng chỉ có vợ chồng anh D, chị Q giao dịch và thanh toán tiền cho tôi. Tôi không giao dịch và nhận tiền của ai ngoài vợ chồng anh D.Tôi cam đoan lời khai trên của tôi là đúng và xin chịu trước pháp luật.

Anh Phạm Tăng V trình bày: Tôi là con đẻ ông B, là em trai anh D. Bố mẹ tôi sinh được 05 anh chị em: Phạm Thị D, sinh năm 1956, Phạm Thị H, sinh năm 1959, Phạm Văn D, sinh năm 1962, Phạm Tăng V (tôi), sinh năm 1965 và Phạm Tiếp L, sinh năm 1969. Hiện nay chị em chúng tôi đều đã có gia đình riêng và nhà đất ở chỗ khác, ổn định không ở chung với ông B. Quyền sử dụng đất trước khi tặng cho vợ chồng anh D là toàn quyền của ông B, bà Y không liên quan đến ai. Ngày 20/02/2017, khi địa chính xã làm hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất vợ chồng anh D thì tôi có mặt tại UBND xã H cùng với bố tôi nên chữ ký của ông B là đúng còn chữ ký của bà Trần Thị Y (mẹ tôi) ai ký tôi không biết vì bố tôi đem hợp đồng về nhà ký, bà Y ốm đau nên không đến Ủy ban xã được. Riêng chữ ký của anh D, chị Q ai ký hộ thì tôi không biết vì lúc đó vợ chồng anh D đang làm ăn tại Hà Giang. Tài sản trên đất trước khi ông B tặng cho vợ chồng anh D ngày 20/02/2017 có một nhà mái bằng và công trình kèm theo. Khoản tiền xây nhà: Năm 2014 bố tôi (ông B) có gọi vợ chồng anh D về để xây nhà vì ông B được Hội Cựu chiến binh hỗ trợ theo 60.000.000 đồng. Đến ngày khai móng thì vợ chồng anh D không về nên tôi định hỗ trợ cho ông B một khoản tiền để xây nhà cấp 4, nhưng sau đó lại thấy vợ chồng anh D về và nói để vợ chồng anh chị xây dựng nên tôi không hỗ trợ nữa. Nguồn tiền tạo dựng nên căn nhà mà hiện nay ông B và vợ chồng anh D đang ở là của ông B 60.000.000 đồng và tiền của vợ chồng anh D bao nhiêu tôi không biết. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng anh D lại lên Hà Giang làm ăn đến năm 2020 thì mới về ở chung cùng ông B. Từ khi làm xong nhà thì ông B,bà Y vẫn

ở cho đến nay (bà Y mất năm 2021), ngoài ra không có ai đóng góp tiền xây nhà ở trên. Trước khi ông B làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với vợ chồng anh D thì gia đình có họp có cả bà Y đều nhất trí thống nhất. Lý do ông B khởi kiện vợ chồng anh D là do vợ chồng anh D bất hiếu đối xử không tốt với ông B, bà Y nên ông B đòi lại không cho nữa. Trường hợp ông B không cho đất nữa thì tôi đề nghị tính giá trị nhà lên trừ đi khoản tiền 60.000.000 đồng của ông B còn lại trả tiền cho anh D.Tôi cam đoan lời khai trên của tôi là đúng và xin chịu trước pháp luật.

Bà Đỗ Thị L trình bày : Hiện nay tôi phụ trách Trưởng ban Mặt trận khu 16, xã B. Thời điểm tháng 02/2017 tôi là Trưởng khu 7, xã H (nay là khu 16), xã B, huyện Tam Nông. Vào tháng 02/2017, tôi không nhớ ngày ông Phạm Văn Bằng có mời tôi sang nhà để chứng kiến việc gia đình họp bàn cho tặng đất . Biên bản họp gia đình tháng 02/2017 đã được đánh máy trước. Khi tôi đến gia đình Ông B thì các thành viên trong biên bản ký vào biên bản họp gia đình, lúc đó bà Ý vẫn minh mẫn. Vì gia đình Ông B rất đông nhưng tôi được biết anh D và chị Quy không có mặt còn ai ký hộ tôi không để ý . Các chữ ký còn lạ i đều do những người có tên trong các thành viên trong gia đình là đúng trong biên bản họp gia đình. Tôi chỉ ký chứng kiến các thành viên trong gia đình ký chứ tôi không chứng kiến về nội dung (nội dung đã được các thành viên trong gia đình Ông B tự đọc). Sau khi tôi ký xong thì tôi về, biên bản họp gia đình trả lại cho Ông B còn Ông B làm thủ tục phía sau như thế nào tôi không biết.

Ông Lương Đình Q trình bày : Thời điểm tháng 02/2017 tôi là công chức Tư pháp của xã H, hiện nay tôi đã nghỉ hưu. Tại biên bản họp gia đình bàn về việc cho tặng quyền sử dụng đất tại nhà ông Phạm Văn Bằng tại khu 7, xã H tháng 02/2017 có ghi thành phần dự họp là tôi (Lương Đình Q) nhưng không có chữ ký của tôi vì tôi không dự họp mà gia đình Ông B tự đánh vào biên bản.

Ông Phạm Ngọc Q trình bày: Tại biên bản xác minh hồi 15 giờ 30 phút, ngày 18/11/2020: Thời điểm năm 2014 thì anh D có về tại nhà Ông B, cha con sống hoà thuận. Sau khi xây nhà ở xong anh D đã khoá lại hai phòng ở và đi làm ăn , anh D cũng tháo dỡ cất bếp ga, tủ lạnh mang đi không cho Ông B, bà Ý sử dụng. Hiện tại hai gian phòng vẫn khoá, Ông B và bà Ý phải nấu ăn tạm. Đến khoảng tháng giêng năm 2019 bà Ý mẹ anh D ốm nên gọi anh D về chăm sóc, anh D không về và mâu thuẫn phát sinh từ đ ây. Từ trước tới nay , chỉ có Ông B, bà Ý vẫn sinh sống trên thửa đất này, dùng tiền hỗ trợ của Hội cựu ch iến binh để xây dựng nhà ở . Những lần anh D về nhà Ông B, anh D đều có lời nói không tôn trọng bố, mẹ và xúc phạm bố, mẹ, anh em như "một bè lú lật lọng" . Từ những năm bà Ý ốm đau cho đến nay anh D cũng không hề quan tâm về chăm sóc cho bố, mẹ.

Ông Lương Quốc M trình bày: Về nội dung xác nhận tại biên bản là m việc hồi 14 giờ, ngày 18/11/2020 (do người đại diện theo ủy quyền của ông B giao nộp cho Tòa án) như sau: Toàn bộ nội dung từ đầu cho dến chữ "thì UBND xã không được biết" là đúng. Còn từ chữ "Sau khi xây dựng .....cho đến chữ không cho ông , bà sử dụng" là tôi cung cấp theo đơn của Ông B đề nghị UBND xã giải quyết và luật sư ghi vào chứ tôi không chứng kiến sự việc này. Tiếp theo từ chữ "UBND xã ...cho kết thúc biên bản là đúng, vì vậy tôi mới xác nhận với tư cách là phó Chủ tịch

UBND xã B. Khi tôi cung cấp và xác nhận tại biên bản này thì tôi chỉ căn cứ vào thẻ Luật sư và giấy giới thiệu của họ và căn cứ Ông B đã có đơn đề nghị UBND xã giải quyết đòi lại quyền sử dụng đất đã cho anh D và chị Quy, chứ không có giấy uỷ quyền của Ông B cho Luật sư. Cũng tại biên bản ghi hồi 15 giờ 30 phút, ngày 18/11/2021 (do người đại diện theo ủy quyền của ông B giao nộp cho Tòa án) tôi chỉ xác nhận chữ ký của ông Tạ Kim Duệ là trưởng khu 16, xã B chứ tôi không xác nhận nội dung.

Ông Tạ Kim Duệ trình bày: Về nội dung cung cấp tại biên bản xác minh hồi 15 giờ 30 phút, ngày 18/11/2020 (do người đại diện theo ủy quyền của ông B giao nộp cho Tòa án) như sau: Tại thời điểm tháng 11/2020 và đến nay tôi là Trưởng khu 16, xã B. Về chữ ký và ghi họ tên Tạ Kim Duệ trong biên bản xá c minh hồi 15 giờ 30 phút ngày 18/11/2020 là đúng của tôi, nội dung tôi chỉ cung cấp bà Ý thời điểm đó ốm liệt nằm ở giường là đúng, còn việc bà Ý không còn nhận thức được nữa, cần có người giám hộ là do Luật sư tự gh i vào chứ tôi không cung cấp nội dung này. Do không để ý nên tôi đã ký vào biên bản có nội dung này.

Chị Cao Thị H trình bày: Về việc ký trong biên bản làm việc hồi 14 giờ, ngày 18/11/2020 (do người đại diện theo ủy quyền của ông B giao nộp cho Tòa án): Thời điểm đó tôi là công chức Tư pháp xã B. Toàn bộ nội dung từ đầu cho đến chữ "thì UBND xã không được biết" là đúng. Còn từ chữ "Sau khi xây dựng.....cho đến chữ không cho ông, bà sử dụng" là tôi cung c ấp theo đơn của Ông B đề nghị UBND xã giải quyết và Luật sư ghi vào chứ tôi không chứng kiến sự việc này. Tiếp theo từ chữ "UBND xã ...cho kết thúc biên bản là đúng, vì vậy tôi mới xác nhận với tư cách cán bộ Tư pháp xã B.

Bà Phạm Thị Cẩn trình bày: Tôi là vai chị ông B cùng ngành, tôi ở cùng khu với gia đình ông B, tôi và bà Y cùng đi chùa tôi thấy bà Y biết đọc và biết viết. Sau khi mở lại phiên tòa ngày 17/12/2021, do ông B và người được ủy quyền của ông B đề nghị giám định chữ viết của bà Trần Thị Y nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa thì đến ngày 18/12/2021 Tòa án nhận được "Đơn xin khai báo" gửi bưu điện của bà Phạm Thị Cẩn với nội dung: Tôi có thấy bà Y lên chùa có thấy lẩm bẩm đọc kinh theo mọi người, còn chữ viết chưa thấy bà Y viết chữ bao giờ. Do lời khai mâu thuẫn nên Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lại lời khai của bà Cẩn để làm rõ. Ngày 27/12/2021 bà Cẩn khai: Về "Đơn xin khai báo" ngày 05/12/2021 tôi không nhớ ngày, khoảng 07 giờ tối ông B gọi tôi lên nhà ông B và ông B đưa cho tôi một "Đơn xin khai báo" nhưng tôi không biết nội dung đơn như thế nào, ông B bảo tôi ký thì tôi ký. Tôi khẳng định lời khai hồi 13 giờ 55 phút, ngày 03/12/2021 của tôi là chính xác và đúng ý kiến của tôi, tôi bác bỏ "Đơn xin khai báo" ngày 05/12/2021. "Đơn xin khai báo" ngày 05/12/2021 do ai đánh máy tôi không biết và do ông B đưa cho tôi ký. Sau đó ông B gửi đơn đi đâu tôi không biết và tôi cũng không gửi gì cho Tòa án. Tôi khẳng định lại lần nữa lời khai hồi 13 giờ 55 phút, ngày 03/12/2021 là chính xác. Tôi cam đoan lời khai của tôi hôm nay là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tôi không thay đổi gì về lời khai của mình hồi 13 giờ 55 phút ngày 03/12/2021 và ngày hôm nay. Do tuổi cao nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi.

Bà Lương Thị N trình bày: Tôi là em dâu ông B, chồng tôi là em trai ông B. Tôi là giáo viên, sau khi tôi nghỉ hưu về quy tại Chùa Quán Sứ Hà Nội, sau đó tôi học được kinh phật và đem về dạy cho các bà ở quê trong đó có bà Y (vợ ông B). Các bà chép lại kinh để học. Bà Y có biết chữ. Sau khi mở lại phiên tòa ngày 17/12/2021, do ông B và người được ủy quyền của ông B đề nghị giám định chữ viết của bà Trần Thị Y nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa thì đến ngày 18/12/2021 Tòa án nhận được "Đơn xin khai báo" gửi bưu điện của bà Lương Thị N với nội dung: Tôi có thấy bà Y có đọc kinh tại chùa cùng mọi người, còn chữ viết chưa thấy bà Y viết chữ bao giờ. Do lời khai mâu thuẫn nên Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lại lời khai của bà Nụ để làm rõ. Ngày 27/12/2021 bà Nụ khai: Về "đơn xin khai báo" ngày 03/12/2021 tôi không nhớ ngày do ông B đem đến vào buổi chiều nhưng tôi không biết là đơn gì và có nội dung như làm sao và ông B bảo tôi ký vào đây, tôi còn hỏi ông B là ký làm gì thì ông B bảo "thím cứ ký vào đây" tôi mới ký còn đơn gì và nội dung làm sao, tôi không biết. Tôi khẳng định và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai hồi 13 giờ 30 phút, ngày 03/12/2021 có ông Tạ Kim D - trưởng khu hành chính chứng kiến là chính xác và đúng ý kiến của tôi, tôi bác bỏ "Đơn xin khai báo" ngày 03/12/2021. Nội dung do ai đánh máy và ông B đem đến bảo tôi ký nhưng tôi không biết nội dung gì và tôi cũng không gửi đơn này cho Tòa án còn ai gửi cho
Tòa án tôi không biết. Tôi khẳng định lại lần nữa lời khai hồi 13 giờ 30 phút, ngày 03/12/2021 có ông Tạ Kim D - trưởng khu hành chính chứng kiến và ngày hôm nay là chính xác và đúng ý kiến của tôi. Do tuổi cao nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi.

Bà Phạm Thị D trình bày: Tôi là con gái ruột ông B, chị ruột anh D. Bà Y mẹ tôi có biết chữ. Hồi bé mẹ tôi thường xuyên vẫn dạy tôi học, bà vẫn thường làm thơ, đọc thơ mẹ tôi có biết viết. Bố tôi tổ chức họp rất nhiều lần và tại biên bản tháng 02/2017 tôi có tham gia họp và ký tên Phạm Thị D tại biên bản họp đó.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn B và anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q nhưng nguyên đơn và bị đơn đều giữ quan điểm của mình nên Tòa án hòa giải không thành và giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 244, Khoản 1- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 129, 223, 457,458, 459, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 166,167,168, 169,170 Luật đất đai; Khoản 1 - Điều 26, Điểm đ - Khoản 1 - Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B.

1.Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc yêu cầu: hủy "Hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" lập ngày 20/02/2017 giữa

ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Y với anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q về quyền sử dụng đất có diện tích 666,7m2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 178, tờ bản đồ số 06), tại khu 16, xã B, huyện T, đã được cấp Giấy CNQSDĐ đất số CK 101415 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017 đứng tên Phạm Văn D và Lương Thị Q.

Xác nhận căn nhà mái bằng cùng các công trình phụ trợ, cây cối lâm lộc và quyền sử dụng đất có diện tích 666,7m2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 06 nay là thửa đất số 178, tờ bản đồ số 06 (tại khu 16, xã B, huyện T), đã được cấp Giấy CNQSD đất số CK 101415 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017 đứng tên Phạm Văn D và Lương Thị Q (diện tích đất thực tế 675,0 m^2 có sơ đồ kèm theo) thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q.

Buộc anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn B số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo: Ngày 16 tháng 3 năm 2022, ông Phạm Văn B gửi đơn kháng cáo đề ngày 14/3/2022 đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ với lý do.

Thứ nhất: Nguồn gốc thửa đất số 73 nay là thửa 178, tờ bản đồ 6, tại khu 16, xã B, huyện T là thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông B.

Thứ hai: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/02/2017 là vô hiệu do vi phạm quy định pháp luật.

Thứ ba: Anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q có hành vi hỗn láo, bất hiếu với bố mẹ vi phạm nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ theo quy định của pháp luật.

Thứ tư: Hành vi hỗn láo và bất hiếu của anh Dục, chị Q đối với ông B được Luật sư xác minh và được ghi nhận vào Biên bản xác minh nhưng lại không được Tòa án nhân dân huyện T xem xét là nguồn chứng cứ có trong vụ án là không đúng.

Từ những lý do trên ông B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm để tuyên Hợp đồng tặng cho ngày 20/02/2017 do UBND xã H, huyện T chứng thực số 117 quyển số 01/TP/CC-STC/HĐGD là vô hiệu và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh D, chị Q số CK 101415, số vào số CH00496 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/6/2022 ông Phạm Văn B và vợ chồng anh Phạm Văn D (Tức Phạm Đoàn D), chị Lương Thị Q đề nghị tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải, Ngày 11/7/2022 Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và bản trích đo hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất các đương sự đã thỏa thuận như sau:

Vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Y có quyền sử dụng đất thửa số 73, tờ bản đồ số 06, diện tích 1337 m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở, 1037 m^2 đất trồng cây lâu năm khác), địa chỉ thửa đất: Khu 7, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 048846 theo quyết định số: 2029/QĐ - UBND ngày 03/9/2009. Ngày 20/02/2017 ông B, bà Y (bên cho tặng) đã tặng cho anh D, chị Q (bên nhận cho tặng) quyền sử dụng đất diện tích 666,7 m^2 (trong đó 150 m^2 đất ở, 516,7m^2 đất trồng cây lâu năm) theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017 lập tại

UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Ngày 08/9/2017, anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CK101415 tại thửa đất số 178, tờ bản đồ 6, diện tích 666, 7 m^2, địa chỉ thửa đất: Khu 7, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: đất ở 150 m^2, đất trồng cây lâu năm là 516,7 m^2. Diện tích đất còn lại cùng thời gian trên cho anh Phạm Tăng V (con trai ông B và bà Y).

Hiện nay diện tích đất cho vợ chồng anh D, chị Q đo đạc thực tế có tổng diện tích 669,5 m^2 theo chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1. Trên thửa đất anh D, chị Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các công trình, vật kiến trúc, cây cối lâm lộc gồm: 01 nhà mái bằng 01 tầng, trên có chống nóng lợp tôn, 01 sân láng xi măng, 01 nhà vệ sinh, chuồng lợn khoảng 3 m^2, 01 giếng nước, 01 bể nước, 04 cây mít, 01 cây sung, 04 cây dâu da, 01 búi tre, 01 cây khế, 01 cây sấu, 02 cây hồng, 04 cây vải, 01 cây nhãn, 04 cây xoan, 02 cây keo, 01 cây ổi, 02 cây cau, 04 cây chuối, 01 cây cọ. Những công trình xây dựng trên đất gồm 01 nhà mái bằng 01 tầng, trên có chống nóng lợp tôn, 01 sân láng xi măng, 01 nhà vệ sinh, chuồng lợn khoảng 3 m^2 là do vợ chồng anh D, chị Q xây dựng còn giếng nước, bể nước, cây cối lâm lộc trên đất là của vợ chồng ông B, bà Y.

- Về tổng diện tích đất đo đạc thực tế diện tích 669,5 m^2 theo chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1. Nay ông B và vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q thống nhất thỏa thuận tổng diện tích đất 669,5 m^2 nêu trên được chia làm ba phần cụ thể:

1. Phần diện tích đất để làm lối đi chung có diện tích S_1 = 30,4 m^2 đất trồng cây lâu năm theo chỉ giới 11,12,1,13,11.

2. Phần diện tích đất của ông B được sử dụng: S_2 = 138,5 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở và 88,5 m^2 đất vườn) theo chỉ giới 1,2,3,4, 13, 1;

3. Phần diện tích đất của vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q được sử dụng: S_3 = 500,6 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở và 400,6 m^2) theo chỉ giới 4,5,6,7,8,9,10,11,13,4.

Diện tích đất tách cho ông B, ông B chỉ được xây dựng nhà ở, không được xây chuồng trại, chăn nuôi công nghiệp.

- Đối với công trình vật kiến trúc, cây cối lâm lộc trên đất ông Phạm Văn B và anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q thống nhất thỏa thuận:

Ông B được quyền sở hữu, sử dụng 04 cây xoan, 02 cây keo nằm trên phần diện tích đất của anh D, chị Q và 04 cây dâu da, 01 búi tre, 01 cây khế, 01 cây sấu, 01 cây nhãn, 01 cây mít, 01 nhà vệ sinh + ½ chuồng lợn khoảng 3 m^2 nằm trên phần diện tích đất ông B được sử dụng S_2 = 138,5 m^2. Ngoài ra, anh D, chị Q có nghĩa vụ trả cho ông B 03 cánh cửa chữ Z bằng gỗ mít.

Anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q được sở hữu, sử dụng 01 nhà mái bằng 01 tầng, trên có chống nóng lợp tôn, 01 sân láng xi măng là tài sản của vợ chồng anh D, chị Q và các cây cối, lâm lộc khác mà ông B đã trồng gồm: 01 cây mít, 02 cây hồng, 04 cây vải, 01 cây ổi, 02 cây cau, 04 cây chuối, 01 cây cọ, 02 cây mít + 01 cây sung ở phần lối đi chung S_1, 01 bể nước, 01 giếng nước, ½ chuồng lợn khoảng 3 m^2 ; Ông B và vợ chồng anh D, chị Q không phải thanh toán tiền chênh

lệch tài sản cho nhau. Vợ chồng anh D, chị Q có nghĩa vụ tự tháo dỡ 02 trụ cổng để trả lại diện tích đất sử dụng chung là 30,4m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng nghị đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 148, 300, 308, 309 BLTTDS, Nghị quyết 326 của QH về án phí:

Sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 04/3/2022 của TAND huyện T theo hướng:

Công nhận thỏa thuận của nguyên đơn ông Phạm Văn B và bị đơn vợ chồng anh Phạm Văn D (tức Phạm Đoàn D), chị Lương Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Kháng cáo của ông Phạm Văn B trong thời hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Phạm Văn B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên Hợp đồng tặng cho ngày 20/02/2017 do UBND xã H, huyện T chứng thực số 117 quyển số 01/TP/CC-STC/HĐGD là vô hiệu. Xét thấy, hợp đồng tặng cho nêu trên là phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, do vậy không có căn cứ để xác định hợp đồng này vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án với nội dung như sau:

1. Ông Phạm Văn B và Vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Quy thỏa thuận cắt một phần đất để làm lối đi chung có diện tích S_1 = 30,4 m^2 đất trồng cây lâu năm (theo chỉ giới 11,12,1,13,11).

2. Ông Phạm Văn B được quyền sở hữu 04 cây dâu da, 01 búi tre, 01 cây khế, 01 cây sấu, 01 cây nhãn, 01 cây mít, 01 nhà vệ sinh + ½ chuồng lợn khoảng 3 m^2 nằm trên diện tích đất ông B được sử dụng S_2 = 138,5 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở và 88,5 m^2 đất vườn) theo chỉ giới 1,2,3,4,13,1 và 04 cây xoan, 02 cây keo nằm trên phần diện tích đất của anh D, chị Quy.

Diện tích đất tách cho ông B, ông B chỉ được xây dựng nhà ở không được xây chuồng trại, chăn nuôi công nghiệp.

3. Vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q được sở hữu 01 nhà mái bằng 01 tầng, trên có chống nóng lợp tôn, 01 sân láng xi măng là tài sản của vợ chồng anh D, chị Q và các cây cối, lâm lộc, vật kiến trúc của ông B gồm 01 cây

mít, 02 cây hồng, 04 cây vải, 01 cây ổi, 02 cây cau, 04 cây chuối, 01 cây cọ, 02 cây mít + 01 cây sung ở phần lối đi chung S_1, 01 bể nước, 01 giếng nước, ½ chuồng lợn khoảng 3 m^2 và được quyền sử dụng diện tích đất S_3 = 500,6 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở và 400,6 m^2) theo chỉ giới 4,5,6,7,8,9,10,11,13,4.

Ông B và vợ chồng anh D, chị Q không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Vợ chồng anh D, chị Q có nghĩa vụ tự tháo dỡ 02 trụ cổng để trả lại diện tích đất sử dụng chung là 30,4m^2 theo chỉ giới 11,12,1,13,11 và trả lại cho ông B 03 cánh cửa chữ Z bằng gỗ mít.

Xét thấy việc thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo của ông B đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh D, chị Q số CK 101415, số vào số CH00496 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017. Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là đúng pháp luật nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D, chị Q là đúng pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông B. Tuy nhiên, do các đương sự đã tự thỏa thuận phần đất, tài sản trên đất như tại mục [2.1] nên khi án có hiệu lực pháp luật, UBND cấp có thẩm quyền sẽ căn cứ vào bản án của Tòa án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như nội dung thỏa thuận giữa các bên.

[2.3]. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đây là tình tiết mới nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2.4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông B không phải chịu án phí phúc thẩm.

[2.5]. Các quyết định khác trong bản án không có kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên Tòa đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng điều 457, 458, 459, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 166, 167, 168,169, 170 luật đất đai, Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 20/02/2017 giữa ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Y với anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q về quyền sử dụng đất có diện tích 666,7 m^2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa số 178, tờ bản đồ số 6) tại khu 16, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 101415 do UBND huyện T cấp ngày 08/9/2017 đứng tên Phạm Văn D và Lương Thị Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Phạm Văn B và vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q với nội dung như sau:

- Ông Phạm Văn B và Vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q thỏa thuận cắt một phần đất để làm lối đi chung có diện tích S_1 = 30,4 m^2 đất trồng cây lâu năm (theo chỉ giới 11,12,1,13,11).

- Ông Phạm Văn B được quyền sở hữu 04 cây dâu da, 01 búi tre, 01 cây khế, 01 cây sấu, 01 cây nhãn, 01 cây mít, 01 nhà vệ sinh + ½ chuồng lợn khoảng 3 m^2 nằm trên diện tích đất ông B được sử dụng S_2 = 138,5 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở và 88,5 m^2 đất vườn), theo chỉ giới 1,2,3,4,13,1 và 04 cây xoan, 02 cây keo nằm trên phần diện tích đất của anh D, chị Quy.

Diện tích đất tách cho ông B, ông B chỉ được xây dựng nhà ở không được xây chuồng trại, chăn nuôi công nghiệp.

- Vợ chồng anh Phạm Văn D, chị Lương Thị Q được sở hữu 01 nhà mái bằng 01 tầng, trên có chống nóng lợp tôn, 01 sân láng xi măng là tài sản của vợ chồng anh D, chị Q và các cây cối, lâm lộc, vật kiến trúc của ông B gồm 01 cây mít, 02 cây hồng, 04 cây vải, 01 cây ổi, 02 cây cau, 04 cây chuối, 01 cây cọ, 02 cây mít + 01 cây sung ở phần lối đi chung S_1, 01 bể nước, 01 giếng nước, ½ chuồng lợn khoảng 3 m^2 và được quyền sử dụng diện tích đất S_3 = 500,6 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở và 400,6 m^2) theo chỉ giới 4,5,6,7,8,9,10,11,13,4.

- Ông B và vợ chồng anh D, chị Q không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Vợ chồng anh D, chị Q có nghĩa vụ tự tháo dỡ 02 trụ cổng để trả lại diện tích đất sử dụng chung là 30,4m^2 theo chỉ giới 11,12,1,13,11 và trả lại cho ông B 03 cánh cửa chữ Z bằng gỗ mít.

(Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất kèm theo).

- Buộc anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Phạm Văn B số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) mà ông B đã góp khi làm nhà.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và ông B có đơn đề nghị thi hành án mà vợ chồng anh D, chị Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông B thì vợ chồng anh D, chị Q phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn B. Anh Phạm Văn D và chị Lương Thị Q phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác trong bản án không có kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điêu Thị Bích Lượt **Nguyễn Việt Tiến** **Nguyễn Hà Giang**

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang